SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH NGHỆ AN
BAN QUẢN LÝ DI TÍCH VÀ DANH THẮNG

LÝ LỊCH DI TÍCH

NHÀ THỜ HỌ PHẠM ĐẠI TÔN

XÃ LONG THÀNH, HUYỆN YÊN THÀNH, TỈNH NGHỆ AN

LẬP NĂM 2013

I.TÊN GỌI :

1. Tên gọi chính thức: Nhà thờ họ Phạm Đại tôn

Nhà thờ là nơi thờ vị thủy tổ Phạm Nhâm Mỹ và các vị tiên tổ của dòng họ Phạm[1] ở xóm Giáp Bổn, xã Long Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An

2. Tên gọi khác: Không

II. ĐỊA ĐIỂM VÀ ĐƯỜNG ĐI ĐẾN DI TÍCH:

1. Địa điểm di tích:

Hiện nay di tích nhà thờ họ Phạm Đại tôn thuộc xóm Giáp Bổn, xã Long Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

- Thời hậu Lê, di tích thuộc làng Tiền Thành, xã Tiên Thành, tổng Quan Hóa. huyện Đông Thành, phủ Diễn Châu, thừa tuyên Nghệ An

- Đầu Nguyễn - năm1925: làng Tiên Thành đổi thành Văn Thành, xã Tiên Thành, huyện Đông Thành, phủ Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

- Năm 1925-1930: làng Văn Thành chia thành 2 làng Tiền Thành và làng Thủ Bổn. Di tích thuộc làng Thủ Bổn, xã Tiên Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

- Năm 1945 - 1948: xã Tiên Thành đổi thành xã Văn Hóa, lúc này di tích thuộc làng Thủ Bổn, xã Văn Hóa, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

- Từ năm 1948 – 1953, xã Văn Hóa và xã Quan Thái nhập lại thành xã Tiên Long, di tích thuộc làng Thủ Bổn, xã Tiên Long, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

- Năm 1953 xã Tiên Long tách thành 3 xã: Vĩnh Thành, Tiên Thành và Long Thành, di tích thuộc làng Thủ Bổn, xã Long Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

- Năm 1976 đến năm 1991, hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh sát nhập thành tỉnh Nghệ Tĩnh, di tích thuộc làng Thủ Bổn, xã Long Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ Tĩnh.

- Năm 1991 tỉnh Nghệ Tĩnh tách ra thành 2 tỉnh Nghệ An và tỉnh Hà Tĩnh, di tích thuộc làng Thủ Bổn, xã Long Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

[1] Dòng họ Phạm ở xóm Giáp Bổn hiện nay phát triển thành nhiều chi nhánh trong huyện Yên Thành như: xứ Rú Đất ở xã Long Thành, Xóm Quỳnh Khôi ở Khánh Thành….. nên gọi là nhag thờ họ Phạm đại tôn

- Năm 1994, làng Thủ Bổn chia thành: xóm Giáp Ngói và xóm Giáp Bổn, nhà thờ họ Phạm Đại tôn thuộc xóm Giáp Bổn, xã Long Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An cho đến ngày nay[2]

2. Đường đi đến di tích:

Đến thăm nhà thờ họ Phạm Đại tôn, du khách có thể đi bằng các phương tiện giao thông đường bộ là thuận tiện nhất.

- Xuất phát từ Vinh, du khách đi theo quốc lộ 1A tuyến Vinh - Diễn Châu, đến ngã ba Diễn Châu, rẽ trái theo quốc lộ số 7A về phía Tây 12km, gặp đường 534 đi khoảng 8km, qua Đài tưởng niệm Liệt sỹ xã Long Thành rẽ trái, đi tiếp 800m là đến di tích.

- Xuất phát từ Hà Nội, du khách đi theo đường quốc lộ 1A tuyến Hà Nội - Vinh, đến ngã ba Diễn Châu, đi theo chỉ dẫn như trên là đến di tích.

III. PHÂN LOẠI DI TÍCH:

Nhà thờ họ Phạm đại tôn là công trình kiến trúc cổ. Nơi thờ phụng nhiều nhân vật có công với dân với nước, là nơi lưu giữ nhiều hiện vật cổ có giá trị giúp cho việc nghiên cứu và tìm hiểu về lịch sử địa phương.

Căn cứ vào tiêu chí xếp hạng quy định tại khoản 9 điều 1 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009và điều 11, nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010; Thông tư 09/2011/TT – BVHTT&DL ngày 14 tháng 7 năm 2011 của bộ văn hóa thể thao và Du lịch về việc quy định nội dung hồ sơ khoa học để xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh. Qua kết quả khảo sát, nghiên cứu tại di tích nhà thờ họ Phạm đại tôn thuộc loại hình: Di tích Lịch sử.

IV. NHÂN VẬT, SỰ KIỆN VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DI TÍCH:

A. Nhân Vật

Dòng họ Phạm làng Giáp Bổn, xã Long Thành nguyên quán ở thônThọ Lộc, xã Vân Tra, huyện An Dương, phủ Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Đến đời ông Phạm Nhân Mỹ (*Phạm Công Nghiên*) đã di cư đến làng Tiền Thành[3], xã Tiên Thành, huyện Đông Thành, phủ Diễn Châu khai cơ lập ấp và hình thành nên dòng họ Phạm tại đây. Sau khi ông mất, con cháu đã xây dựng nhà thờ để thờ phụng vị thủy tổ và các hậu duệ của dòng họ.

---

[2] Sách " Lịch sử xã Long Thành" Nxb Hồng Đức – Hà Nội 2013 - Trang 10.

[3] Vùng đất Văn Thành nay thuộc một phần đất của các xã Bắc Thành, Trung Thành,Nam Thành và Long Thành

1. Phạm Nhân Mỹ

Theo gia phả họ Phạm, hiện vật được lưu giữ ở nhà thờ và truyền ngôn ở xã Long Thành cho biết: vị Thủy tổ dòng họ Phạm tên là Phạm Nhân Mỹ, tự là Công Nghiên, ông sinh vào đời vua Lê Nhân Tông niên hiệu Diên Ninh(1453--1459), quê ở thôn Thọ Lộc, xã Vân Tra, huyện An Dương, phủ Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Phạm Nhân Mỹ sinh ra trong một gia đình khá giả vùng đồng bằng Bắc Bộ. Từ nhỏ ông đã được bố mẹ chăm lo việc học hành đèn sách. Lớn lên Phạm Nhân Mỹ là người thông hiểu văn chương, chữ nghĩa và có hiểu biết về nho y, lý số nhưng Ông không theo đuổi con đường khoa cử mà thích đi ngao du sơn thủy, thăm thú các nơi, tìm kiếm các vùng đất mới để sinh cơ lập nghiệp.

Sinh ra và lớn lên trong hoàn cảnh đất nước đã được độc lập, triều đình nhà Hậu Lê đã ban hành nhiều chính sách tiến bộ để phát triển kinh tế và bảo vệ đất nước. Về ngoại giao nhà Lê chủ trương thực hiện đường lối hòa hiếu, mềm dẻo đối với các nước láng giềng để giữ vững chủ quyền. Về chính trị triều đình tổ chức chấn chỉnh bộ máy quan lại để ổn định tình hình. Về quốc phòng Nhà nước cho tổ chức lại hệ thống đồn lũy, củng cố lực lượng quân đội để sẵn sàng đánh giặc. Đặc biệt về kinh tế nhà nước cho thực hiện chính sách khuyến nông, khuyến ngư, khai hoang, mở rộng giao lưu buôn bán ...để tạo điều kiện cho phát triển kinh tế và đáp ứng nguyện vọng mưu sinh cho những người nghèo.

Nhận thấy việc mở đất, khai hoang về Phương Nam của nhà Lê là đúng đắn hợp với mình và gia đình nên ông Phạm Nhân Mỹ đã cùng người thân và bạn bè tạm biệt quê hương để di cư vào Nghệ An tìm nơi sinh sống. Khác với nhiều người khi đi tìm đất khai hoang thường đi theo đường bộ ông Phạm Nhân Mỹ và bạn bè di cư theo đường thủy để có điều kiện thăm thú các nơi và tìm được vùng đất mà mọi người ưng thuận. Khi vào Nghệ An, các ông đã dong thuyền theo kênh nhà Lê qua đất Diễn Châu, ngược dòng sông Bùng lên vùng Đông Thành. Khi thuyền đi qua Kẻ Thạng (*nay làng Điện Yên là xã Long Thành*), Phạm Nhân Mỹ và mọi người nhìn thấy một vùng đất hoang hóa có địa thế rất đẹp. Đất đai tương đối rộng rãi, bằng phẳng, phía trước có nhiều khe, lạch chảy qua ông đã quyết định dừng thuyền để khai cơ lập nghiệp. Gia phả họ Phạm đã viết "*...vào năm Lê Hồng Đức nguyên niên (năm 1470), Phạm Nhân Mỹ cùng các ông Phạm Công Lai, Phạm Mễ và một số người họ Dương*[4]*, họ Trần*[5]*... đi từ xã Văn Tra, huyện An Dương, phủ Kinh Môn*

[4] Người họ Dương nhưng trong gia phả không nói tên gì
[5] Người họ Trần nhưng trong gia phả không nói tên gì

di cư vào Đông Thành để khai cơ lập nghiệp"[6]*." Các ông đã đi bằng đường thủy theo kênh nhà Lê vào phủ Diễn Châu ngược dòng sông Bùng và Ông đã chọn vùng đất nơi đây của huyện Đông Thành làm chỗ khai cơ lập nghiệp ..."*[7].

Sau một thời gian nghỉ ngơi thì Phạm Nhân Mỹ và các các bạn lên bờ tìm hiểu về phong thủy, địa lý, cuộc sống của cư dân ở đây. Nhận thấy vùng Kẻ Thạng đất đai còn hoang hóa, rậm rạp nhưng rất thuận lợi cho việc làm ruộng, chăn nuôi, ông đã báo cáo với các vị chức sắc ở địa phương để xin định cư sinh sống. Sau khi được chính quyền sở tại đồng ý ông Phạm Nhân Mỹ, Phạm Mễ, Phạm Công Lai và các ông họ Dương, họ Trần...đã bỏ nhiều tiền của công sức để chiêu tập dân nghèo trong vùng, tổ chức khẩn hoang. Sẵn có tiền của mang theo và được những người bản địa tận tình giúp đỡ các ông đã tiến hành phát cây, dọn cỏ, khơi rãnh đào mương, cải tạo vùng đất ngập úng, chua phèn ở vùng Xứ Duy Ngu[8], xứ Nương Bòng[9], xứ Tiền Chi Ngưu- Hậu Chi Ngưu[10], xứ Bảo Sàng[11], xứ Đồng Bọc, đồng Hội Cần, đồng Kinh Sơn[12] xung quanh vùng *khe Võ Và, khe Ồ Ồ, sông Thạng* ..... thành đất trồng lúa, trồng màu. Gia phả viết *"...đến năm Hồng Đức thứ 3, thì đã khai khẩn xong điền thổ có thể canh tác được"* [13].

Những xứ đồng thấp thuận lợi việc tưới tiêu ông tổ chức cho dân be bờ trồng lúa. Những xứ đồng cao ít màu mỡ thì ông cho trồng: ngô, khoai, đậu, lạc... Nơi nào có nhiều bãi cỏ, khe, suối, kênh lạch những người khai hoang tận dụng để chăn nuôi gia súc, gia cầm. Sau 3 năm đổ nhiều tiền của, mồ hôi công sức thì 18 xứ trên đã thành đồng ruộng.

Ngoài các nhà cửa, ruộng đồng của các gia đình từ Hải Dương vào đây lập nghiệp đã có thêm nhiều lán trại, nhà ở của cư dân các vùng đến xin mở đất khai hoang. Từ một vùng đất hoang hóa nhờ công sức khai phá của ông Phạm Nhâm Mỹ và người dân nơi đây nên làng Tiền Thành đã hình thành từ đây .

Để tạo điều kiện cho cư dân ở đây có cuộc sống ổn định lâu dài ông Phạm Nhân Mỹ đã *"... tâu bẩm với quan của triều đình, vâng theo sắc chỉ, phê chuẩn cho những ruộng đó được nạp vào địa bạ quan điền...* [14] là ruộng công.

---

[6] Trích gia phả họ Phạm đại tôn ở xóm Giáp Bổn, xã Long Thành, huyện Yên Thành do ông Phạm Như Hạnh và Phạm Như Kỳ biên soạn ngày rằm tháng Giêng năm 1747, trang 16. người dịch Nguyễn Duy Đối- xã Nam Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An

[7] Trích gia phả họ Phạm đại tôn tài liệu đã dẫn trang 16.

[8] Duy Ngu nay là những cánh đồng mang tên: Đồng Mưng, Đồng Bát, đồng Chùa, Đồng Nhà Nề, đồng Cồn Nú....xóm Quang Trung, xã Long Thành

[9] Nay là xóm Giáp Bổn với diện tích 2 mẫu

[10] Tiền chi Ngưu, hậu chi Ngưu nay không rõ vùng nào của huyện Yên Thành

[11] Xứ Bảo Sàng gồm 1 mẫu nay thuộc làng Điện Yên, xã Long Thành, huyện Yên Thành

[12] xứ Đồng Bọc, đồng Hội Cần,đồng Kinh Sơn nay thuộc xóm Bắc Sơn, xã Bắc Thành

[13] Gia phả họPhạm Đại tôn, sđd, trang 16

[14] Tài liệu đã dẫn, trang 16

Sau khi làng mới đã hình thành ông đã cùng những người khai hoang bàn bạc với các vị chức sắc, bô lão địa phương xây dựng các khoán ước, quy định để thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước và giữ gìn đoàn kết, thuần phong mỹ tục của làng xã.

Công sức khai hoang , lập làng để tạo dựng cuộc sống cho nhiều gia đình ở vùng Kẻ Thạng và tấm lòng nhân ái, thương người của ông Phạm Nhân Mỹ đã được người đời cảm phục, kính trọng và biết ơn

Do đổ nhiều mồ hôi công sức chăm lo cho cuộc sống gia đình, bạn bè và cộng đồng ông Phạm Nhân Mỹ mất vào ngày 15 tháng 6 âm lịch (*không rõ năm nào*).

Tiếc thương một con người sống và cống hiến hết mình vì cộng đồng người dân trong vùng đã tập trung đưa tiễn ông về nơi an nghỉ ở làng Điện Yên (*tức xứ Bảo Sàng - là 1 trong 18 xứ ông đã có công khai khẩn*).

Về sau nhân dân ở đây đã chung tiền, góp sức lập đền thờ và tôn ông làm vị thần khai cơ của làng Tiền Thành[15]. Ghi nhận công lao của ông đối với quê hương đất nước vua Thành Thái đã có sắc phong [16]:

"Sắc cho thôn Văn Thành, xã Tiên Thành, huyện Đông Thành, tỉnh Nghệ An thờ phụng thần Khai Cơ Phạm công. Thần linh ứng đã lâu, trước nay chưa được phong tặng. Cho nên, nay trẫm cả vâng mệnh sáng, xa nghĩ ơn thần, trứ phong là Dực bảo Trung hưng Linh phù chi thần. Và vẫn chuẩn cho thờ phụng như cũ. Thần hãy ban ơn, che chở và giúp đỡ cho dân ta.

Vậy sắc!"

Nhận thấy phần mộ và đền thờ ở xa nhau không thuận tiện cho việc tưởng niệm, cúng tế. Năm 1898 nhân dân và con cháu trong dòng họ đã di chuyển đưa di hài của ông từ xứ Bảo Sàng làng Điện Yên về cải táng trong khuôn viên đền thờ (*nay là nhà thờ họ*).

Do tác động của thời gian, lụt bão, chiến tranh và những biến cố của xã hội đền thờ nên đền thờ đã bị hư hỏng, không người hương khói. Vì vậy vào năm 1956 con cháu công đức, sửa sang đền làm nơi thờ tự của của dòng họ đồng thời cho rước đồ thờ của dòng họ về làm nhà thờ họ Phạm Đại tôn.

2. Phạm Đỉnh

Theo phả hệ dòng họ Phạm làng Giáp Bổn cho biết Phạm Đỉnh là ông tổ đời thứ 9 của dòng họ. Ông sinh vào đời vua Lê Ý Tông niên hiệu Vĩnh Hựu (1735-1740) tại xã Tiền Thành, huyện Đông Thành, tỉnh Nghệ An. Ông sinh ra trong một

[15] làng Tiền Thành sau đổi theo tên địa danh là làng Văn Thành
[16] Xem phần phụ lục

gia đình nhà nông nghèo. Từ nhỏ, Phạm Đỉnh đã nổi tiếng thông minh, nhanh nhẹn và ham thích về võ vật nhờ có sức khỏe, võ nghệ và biết cách bày binh bố trận nên trong các trò chơi đánh trận giả ông thường được bầu làm thủ lĩnh. Lớn lên nhờ chăm chỉ luyện tập võ nghệ và học hỏi về cách bày binh bố trận của các thầy giáo, chiến binh trong vùng nên Phạm Đỉnh đã thông thạo về võ nghệ và binh pháp.

Năm Mậu Tý (1768) niên hiệu Cảnh Hưng thứ 29, Phạm Đỉnh tham gia vào đội quân. Là người có tài năng, sức khỏe và tận tâm tận lực phục vụ triều đình nên nhanh chóng được phong làm Bách Hộ ưu binh ở cơ Trung Trấn.

Vào thời gian này đất nước loạn lạc rối ren vì các thế lực phong kiến đánh nhau để tranh giành quyền lực nên đời sống nhân dân rất cực khổ. Đã có nhiều trận đánh tranh giành quyền lực và các cuộc nổi dậy của nhân dân. Cuộc nổi dậy do Lê Duy Mật đứng đầu hoạt đông mạnh ở vùng Thanh Hóa, Nghệ An làm cho triều đình Lê -Trịnh bối rối. Cuối năm Kỷ Sửu (1769) niên hiệu Cảnh Hưng thứ 30, triều đình đã phải huy động một lực lượng lớn đi đánh dẹp ở Ai Lao. Về sự kiện này sách lịch sử Việt Nam viết đã có "*3 đạo quân thuộc 3 trấn: Nghệ An, Thanh Hóa, Hưng Hóa. Trấn thủ Phan phái hầu Nguyễn Phán cầm đầu đạo quân Thanh Hóa, đạo quân của Nghệ An do Đoan quận công Bùi Thế Đạt chỉ huy còn Trấn thủ Hoàng Đình Thể dẫn đầu đạo quân Hưng Hóa*"[17].

Để tiến đánh quân nổi dậy, Phạm Đỉnh đã theo đạo quân của Bùi Thế Đạt vào Nghệ An, vượt địa hình núi non hiểm trở để tiến thẳng vào Trình Quang, Trấn Ninh nơi có Lê Duy Mật ở cầm đầu. Ở đây Phạm Đỉnh chỉ huy binh lính bắc chòi cao để quan sát quân địch , từ đó tổ chức lực lượng bao vây và dùng tên bắn thẳng vào danh trại của địch khiếm quân giặ hoảng loạn, tan vỡ, nhiều binh lính đã ra hàng. Sách lịch triều hiến chương loại chí"*Tháng giêng năm sau cùng hội quân với đạo quân Nghệ An, trèo núi mà vào, thẳng đến sào huyệt giặc ở Trình Quang (Trấn Ninh). Tướng giặc vốn sợ ông đánh mạnh sợ quá, nhiều kẻ lén đầu hàng....các nơi đóng quân của giặc tan vỡ, Trấn Ninh bình định xong*"[18].

Trong thời gian từ 1774 đến năm Bính Thân (1776) ở Đàng trong quân nhà Nguyễn và Tây Sơn đánh nhau ở các tỉnh Bình Thuận, Phú Khánh, Thuận Hoa làm cho tình hình ở đây bất ổn. Để yên dân, vua Lê chúa Trịnh đã cử tướng Hoàng Ngũ Phúc vào đánh dẹp ở Đàng Trong. Nhận thấy Phạm Đỉnh là người giỏi võ, mưa lược trung thành nên triều đình đã cho ông đã cùng quan quân ra trận, thúc quân tiên

[17] Lịch sử Việt Nam, tập 1, NXB Giáo dục, năm 1998, trang
[18] Theo "*Lịch triều hiến chương loại chí*"- Phan Huy chú, NXB KHXH- 1992, trang 360

phong, phá lũy tiến đánh vùng Thuận Quảng, phá tan được sào huyệt ở Phú Xuân. Nhờ dũng cảm, xong pha trận mạc, lập được chiến công nên nhà Lê đã ban sắc thăng chức cho Phạm Đỉnh là "*phó thiên hộ chức*[19], *tráng tiết tướng quân, hiệu lệnh ty, kỳ bài tráng sỹ*"[20].

Vào cuối thế kỷ XVIII, triều đình nhà Lê ngày càng suy yếu, binh quyền rơi vào tay họ Trịnh. Sau khi Trịnh Doanh mất, con là Trịnh Sâm lên thay, chỉ biết chuyên quyền hưởng lạc và tàn bạo. Vì say mê Đặng Thị Huệ, chúa Trịnh Sâm thường bỏ bê việc triều chính. nên bị các quan lại và nhân dân bất bình. Tháng 9 năm Nhâm Dần (1782) Trịnh Sâm mất, Trịnh Cán lên làm ngôi, Đặng Thị Huệ, Đặng Mậu Lân cậy thế lộng hành làm nhiều việc bạo ngược nên trăm họ đều oán thán. Bất bình trước sự bạo ngược của chị em họ Đặng, Phạm Đỉnh tham gia vào lực lượng kiêu binh, bao vây phủ chúa, phế bỏ Trịnh Cán và Đặng Thị Huệ, lập Trịnh Khải lên làm chúa.

Sau khi lên ngôi, xét thấy Phạm Đỉnh có công giúp mình, ngày 25 tháng 12 năm Cảnh Hưng thứ 44 (1784)Chúa Trịnh Khải đã khen thưởng và phong sắc: *Sắc cho Bách hộ Phạm Đỉnh ở xã Tiên Thành, huyện Đông Thành. Vì năm Nhâm Dần (1782), Tự vương ngự ngôi vương vị, chuẩn thưởng cho khắp chư quân phù tá có công. Ngươi là Ưu binh ở cơ Trung Trấn một lòng giúp trẫm, nên có thể tặng thưởng, đã có chỉ chuẩn thăng chức một lần, lại khâm thưởng một lần, đang làm chức Phó thiên hộ, có thể làm Tráng tiết tướng quân Hiệu lệnh ti xuy kim tráng sĩ thiết kỵ úy Phó thiên hộ, trung liệt.*

Ngày 26 tháng 2 năm Cảnh Hưng thứ 44 (1784).

Là người có tài nhưng vận hội của vua Lê chúa Trịnh đã đến lúc tàn lụi. Vì vậy, để tránh nạn binh đao ở nơi trận mạc và loạn lạc ở chốn quan trường Phạm Đỉnh đã xin về Nghệ An nơi ông đã từng sinh ra và lớn lên để nghĩ ngơi. Ở đây ông sống chan hòa với mọi người, tiếp tục công việc khai hoang của tổ tiên rồi mất ở Văn Thành.

Để tưởng nhớ lao của một người đã có công đánh giặc, an dân ông, dân làng đã lập miếu thờ ở văn Thành nay là xóm Bắc Sơn xã Bắc Thành. Về sau nhà Nguyễn đã có sắc phong 2 sắc phong để ghi nhận công lao của ngài. Năm 1968 miếu thờ ngài bị hư hỏng[21] nên con cháu dòng họ Phạm đó xin rước long ngài bài vị ông Phạm Đỉnh về phối thờ tại nhà thờ họ Phạm.

---

[19] Chức phó Thiên hộ theo quan chế đời Lê Cảnh Hưng phải là phó chánh đội trưởng, hàm tòng ngũ phẩm

[20] Theo lời kể của các cụ là trước đây có sắc phong nhưng do trận lụt năm 1978 làm ướt dẫn đến mục nát không còn giữ lại được sắc phong cho ông chức Phó Thiên hộ nữa.

[21] Năm 2010 miếu thờ của ngài được gia đình chị Nguyễn Thị Tư ở xóm 2 Bắc Thành xây dựng lại thành một cáI am nhỏ trong hiệu bụt có ghi ghi "Miếu thờ Phạm tướng quân",

Tiếp nối truyền thống của cha ông, hơn 500 năm qua đã có nhiều thế hệ con cháu ở dòng họ phạm đại tôn ở Yên Thành đã nhiều cống hiến trong sự nghiệp xây dựng bảo vệ tổ quốc. Đặc biệt trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ theo tiếng gọi của tổ quốc thanh niên trong họ đã hăng hái lên đường đánh giặc. Trong đó có 6 người vĩnh viện nằm lại chiến trường[22], nhiều người là thương bệnh binh khi trở về quê hương. Đã có 17 gia đình được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước, 18 gia đình được Chiến sĩ vẻ vang...

B. SỰ KIỆN LỊCH SỬ:

Nhà thờ họ Phạm từ khi xây dựng cho đến nay, ngoài việc để tưởng nhớ các bậc tiên tổ của dòng họ, di tích còn là nơi chứng kiến nhiều sự kiện lịch sử của địa phương:

- Trong phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh 1930 - 1931 nhà thờ họ Phạm Đại tôn là một trong những cơ sở hoạt động của tổ chức Đảng, địa điểm in ấn tài liệu truyền đơn, bí mật và là nơi cán bộ cách mạng treo cờ đỏ búa liềm trên cây đa trước nhà thờ vào đêm mồng 6 tháng 11 năm 1930.

- Năm 1948 - 1949, do yêu cầu diệt "*giặc dốt*", phong trào "*Bình dân học vụ*" phát triển mạnh mẽ, nhiều nhà thờ, đình, đền đều được dùng làm địa điểm dạy học. Nhà thờ họ Phạm cũng là một địa điểm tổ chức dạy "*Bình dân học vụ*" cho nhân dân trong vùng.

- Năm 1954-1958 nhà thờ được sử dụng làm trụ sở của ban tuyên truyền vận động nhân dân mua công trái quốc gia.

- Năm 1965-1968 nhà thờ sử dụng được làm kho trung chuyển vũ khí lương thực của quân đội theo đường thủy từ Diễn Châu lên Yên Thành để vận chuyển sang Lào, và vào chiến trường miền nam. Cũng thời gian này nhà thờ còn là nơi sơ tán và hội họp của chính quyền xã và hợp tác xã.

Ghi nhận nhà thờ họ Phạm Đại tôn có những đóng góp vào sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1985 Hội đồng Nhà nước đã xét tặng Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Ba số 626/QĐ- KT/HĐNN ngày 21/03/1985 do đồng chí Trường Chinh kí[23].

V. SINH HOẠT VĂN HOÁ TÍN NGƯỠNG LIÊN QUAN ĐẾN DI TÍCH

Nhà thờ họ Phạm Đại tôn là nơi sinh hoạt văn hoá tâm linh của con cháu trong dòng họ. Tại đây, hàng năm diễn ra nhiều kỳ lễ trọng như:

---

[22] Phạm Lê Hoa, Phạm ngọc Nhuận, Phạm Văn Lữ, Phạm Liên, Phạm Văn Từ, Phạm Văn Hương.

[23] Hội đồng Bộ trưởng tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba theo QĐ 626 KT/HĐNN ngày 21/03/1985 do đồng chí Trường Chinh kí. Các bằng khen do UBND tỉnh tặng đã bị trận lụt năm 1978 cuốn đI không còn nữa

-Tết Nguyên Đán

- Lễ Kỳ yên (15/1 âm lịch) cầu mong cho con cháu đi làm ăn xa được bình an mạnh khỏe;

- Giỗ Phạm Nhân Mỹ: Lễ tế tổ vào ngày 15 tháng 6 âm lịch

Hai kỳ lễ được tổ chức quy mô lớn, thu hút đông đảo con cháu về dự lễ chính là lễ Kỳ yên và Giỗ Tổ. Đây là hoạt động duy trì từ đời này qua thời khác, trở thành ngày truyền thống, khơi dậy dạo lý "uống nước nhớ nguồn" của con cháu dòng họ Phạm đại tôn ở khắpmọi miền tổ quốc.

Vào những ngày này, con cháu, dâu rể xa gần đều về đây hội tụ, ai cũng mong được thắp nén nhang để tri ân tổ tiên, đồng thời cầu mong cho tổ tiên phù hộ cho mình.

Các hình thức tổ chức giống nhau chỉ khác ở quy mô tổ chức và cách thức biện lễ tùy vào tính chất của kỳ lễ đó. Cụ Thể:

Vào dịp lễ tế tổ ngày 15 tháng 6 âm lịch: lễ sẽ sẽ được tiến hành trong 2 ngày với các phần: khai quang tẩy uế, làm tổng vệ sinh ở khu vực nội, ngoài thất nhà thờ, khu lăng mộ. Lễ Mộc dục: tắm rửa các đồ tế khí. Lễ Yên vị: đưa các đồ tế khí trở về vị trí cũ. Lễ Yết cáo: báo cáo với thần tổ, trời đất, thần linh (ngụ hương long thần bản xứ, ngụ tự phúc thần) về thời gian, nội dung, thành phần lễ tế và mời các vị về dự. Lễ Đại tế: tổ chức thi xôi dẻo, gà đẹp, hiến dâng vật phẩm, tấu nhạc, đọc văn...tưởng nhớ công ơn của các vị tiên tổ, cầu xin tổ tiên tiếp tục phù hộ, độ trì cho con cháu. Lễ tạ: cảm ơn trời đất, tổ tiên và các vị thần linh đã về dự lễ và ban phúc, đồng thời xin lượng thứ cho những sai sót của con cháu trong ngày giỗ và xin khắc phục lần sau. Nội dung các phần chính như sau:

+ Lễ khai quang được tiến hành vào sáng 14 tháng 6.

Lễ vật gồm: hoa quả, hương đăng, trầu, rượu.

Địa điểm: tiến hành tại nhà thờ, mộ các vị tổ và khu lăng mộ của dòng họ.

Thành phần: tộc trưởng, trưởng các chi nhánh các chi cùng một số vị cao niên trong họ.

Nội dung: báo cáo thần linh, tổ tiên cho phép con cháu làm tổng vệ sinh ở khu vực nhà thờ và mộ.

+ Lễ Yết cáo diễn ra vào hồi 20h ngày 14 tháng 6

Lễ vật chính là xôi, thịt, hoa quả, hương đăng, trầu, rượu, tiền, vàng mã.

Địa điểm: tiến hành tại nhà thờ.

Thành phần: Tộc trưởng, trưởng các chi cùng các vị trong hội đồng gia tộc và con cháu.

Nội dung: đặt các lễ vật lên các ban thờ, thắp hương,gióng chiêng, trống với ý nghĩa là mời tổ tiên về tham gia buổi lễ. Tộc trưởng và trưởng các chi đứng, quỳ trước bàn thờ gia tiên thỉnh, mời các vị về bàn thờ để con cháu tiến hành làm lễ hiến tước, hiến tửu...dâng đọc sớ, báo cáo với tổ tiên, trời đất, thần linh về thời gian, nội dung, thành phân flễ giỗvà mời các vị về tham gia. Sau đó hóa sớ, tiền, vàng mã ngụ ý để các vị làm lộ phí đi đườngvề dự lễ đại tế vào ngày hôm sau.

+ Lễ Đại tế: điễn ra vào lúc 9h15' - 11h00' ngày 15 tháng 6

Lễ vật gồm: hương đăng, trầu rượu, gạo, muối, tiền, vàng mã xôi thịt, xôi gà

Địa điểm: tiến hành tại nhà thờ.

Thành phần: Ban hành lễ bao gồm:

- Chấp sự có nhiệm vụ dân ghương, dâng rượu, thắp hương, rước chúc văn.
- 2 bồi tế
- 1 xướng lễ làm nhiệm vụ điều hành nghi thức tế.
- 1 ban nhạc gồm: trống to, trống tiểu, chiêng, xập xèng.

Cùng các con cháu, dâu rể trong dòng họ.

Trước những năm 60 của thế kỷ XX trong lễ giỗ vào ngày 15 tháng 6 âm lịch để thể hiện lòng thành của các bậc con cháu dòng họ có tổ chức thi:

-Đỗ xôi đẹp, trắng, sạch sẽ

- Chọn gà, luộc gà, nghệ thuật làm gà đẹp.
- Chọn Nếp đề làm xôi

Ở địa phương trước đây có 3 loại nếp dược dùng trong đồ xôi cúng lễ:

- nếp rồng là loại nếp có mùi thơm và dẻo tự nhiên, vỏ ngoài có một lớp lông, hạt gạo không được trắng có màu sẩm, hạt tròn.
- Nếp Bồn: hạt dài, gạo màu trắng xám, mùi thơm vừa phải, vỏ không có lông.
- Nếp Tôm (nếp râu): loại nếp ở cuối hạt thóc có một cái râu dài từ 3-5cm,loại này thường được cấy nơi sâu, sục, đầm lầy. Loại nếp này khi xát kỹ hạt gạo trắng trong hương thơm tỏa.

Cách thức thi và chấm điểm cỗ gà đẹp phải có đủ các yếu tố sau:

-Xôi: - Đủ trọng lượng do dòng họ yêu cầu

+ Trắng dẻo thơm

+ Các loại đỗ trộn trong gạo hợp lý (đỗ Xanh, đỗ đỏ)

- Gà:trước khi làm thịt phải nhốt 2-3 ngày

-+ Trọng lượng gà trống (gà dò): 0,7 – 1kg nhưng phải gà nhà ăn thóc.

+ Mào răng cưa, lông vàng, chân vàng.

- Làm thịt : sạch lông, móng, bóc mỏ, lòng không hôi, không làm rách rước da, lấy tiết phải đúng chỗ (Trống tai, mái cổ)

Thịt xong phải bẻ lật: đầu, cánh, cổ chân đẹp đúng quy định (cánh xèo, cổ đầu đứng thẳng, cẳng chân đá hậu).

- Khi luộc: không được nút rạn

- Màu gà: Khi luộc xong phải thật sáng như màu gà đang sống, hợp với màu lông

Nội dung lễ đại tế: thắp hương, gióng trống, nhạc báo hiệu để chuẩn bị nghi thức bước vào đại tế. Chủ tế và bồi tế đứng, quỳ trước bàn thờ thỉnh các vị tiên tổ, thân flinh về ban thờ để tiến hành làm lễ hiến tước, hiến tửu...đang đọc sớ ca ngợi công đức của tổ tiên, thỉnh mời tiên tổ về hưởng lễ vật của con cháu và xin tiên tổ tiếp tục ban phúc, lộc cho con cháu. Lễ tế diễn ra trong 3 tuần trà, 3 tuần rượu với khoảng thời gian 3h. Kết thúc buổi lễ, con cháu đem vàng mã xuống hóa, vãi gạo muối cho các hương linh, tảolạc. Sau đó hạ lễ vật như rượu, xôi thịt, hoa quả, chia ra từng cỗ nhỏ để con cháu cùng quây quần trò chuyện và thụ lộc.

Lễ tạ: tiến hành vào chiều ngày 15 tháng 6.

Lễ vật gồm: hoa quả, hương đăng, trà tửu.

Địa điểm: tiến hành tại nhà thờ, mộ các vị thần tổ và khu lăng mộ nhà thờ họ.

Nội dung: cảm ơn, đưa tiễn, tổ tiên, thần linh trở về cõi âm và xin gặp lại vào năm sau.

Gần đây, tại nhà thờ còn diễn ra lễ như:

+ Lễ khuyến học được thực hiện một năm một lần trong lễ giỗ tổ nhằm báo cáo với tổ tiên kết quả học tập của con cháu, phần thưởng được chiếu theo kết quả học tập và thi cử từ cao xuống thấp.

Các hoạt động tại nhà thờ như thờ cúng, tế lễ góp phần phản ánh bản sắc văn hóa của địa phương, nhất là về phong tục, tập quán, tín ngưỡng cũng như truyền thống "*trọng đạo nghĩa* " tốt đẹp từ xưa ở mảnh đất này.

VI. KHẢO TẢ DI TÍCH:

A. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, CẢNH QUAN

Nhà thờ họ Phạm đại tôn quay mặt hướng Đông Nam, di tích nằm trên một vùng đất cao ráo, rộng, bằng phẳng, bốn mùa được phủ bóng mát của cây xanh. Trước mặt là ao, xa hơn là cánh đồng Sắc; phía Đông giáp là đường xóm và nhà ông Phạm Văn Hoài, phía Bắc giáp đường xóm và gia đình ông Phạm Văn Long,

ông Phạm Văn Toản, xóm và các , Phía Nam là cánh đồng Sác. Nhà thờ được thiết kế khá hài hòa, trước sân và xung quang có rất nhiều cây xanh, cây cảnh nhất là có cây đa cổ thụ đã trên 100 năm tạo nên nét thâm nghiêm, yên tĩnh và cổ kính. Đây là một công trình kiến trúc cổ với cảnh quan hữu tình, có giá trị về mặt phong thủy: nhìn từ xa có dòng sông Điển làm minh đường, phía sau tựa lưng vào Rú Gám làm hậu chẩm. Cách nhà thờ khoảng 1km về phía Đông là đền thờ Hoàng Tá Thốn[24], cách 500m về phía Tây là nhà thờ họ Nguyễn Văn Đại tôn[25].

Nhà thờ được xây dựng từ thời Hậu Lê, đến thời Nguyễn được tu bổ, tôn tạo lại như hiện nay. khuôn viên nhà thờ có tổng diện tích 1.311,7m^2, bao gồm các công trình: cổng, sân, nhà Hạ đường, Trung đường, sân lộ thiên, Thượng đường và lăng mộ Phạm Tướng công và phu nhân

B. KHẢO TẢ KIẾN TRÚC, BÀI TRÍ TẠI DI TÍCH:

1. Cổng, tắc môn và sân

Cổng của di tích được xây dựng năm 2006, giới hạn bởi hai cột trụ hình vuông có kích thước cao 2,17m, xây bằng vật liệu đá, vôi vữa, trên đỉnh cột trang trí hai con nghê chầu. Khoảng cánh giữa 2 cột là 2,4m. Trước sân có tắc môn hình chữ nhật xây bằng gạch, vôi vữa, xi măng. Tắc môn có kích thước cao 1,5m, rộng 2,05m, phía trước tắc môn đắp hình 1 con hổ trông rất giữ tợn đang hướng ra ngoài.

Sân nhà thờ có diện tích 66,4m^2 (9,45m x7, 03m), nền láng bằng xi măng, xung quanh được xây tường cao 1,2m.

2. Nhà Hạ đường:

**** Kiến trúc:***

Nhà Hạ đường xây dựng vào thời Nguyễn, có diện tích 37,58m^2 (8,64m x 4,35m), gồm 3 gian 2 hồi, được làm bằng gỗ lim, nền láng xi măng. Mặt trước cửa Hạ đường đóng, mở bằng hệ thống cửa ván dật (gian giữa 5 cánh, gian trái 4 cánh, gian phải 4 cánh, mỗi cánh cao 2,3m rộng 0,6m). Hai đầu hồi xây bằng đá vôi, phía sau để trống thông với nhà Trung đường. Mái nhà lợp ngói âm dương, rải rui bản kích thước (0,09m x 0,015m) gồm có 82 rui với độ dài 2,7m; hoành kích thước (0,09m x 0,07m) gồm 12 thanh, mỗi thanh dài 5,7m, thượng lương kích thước (0,14 m x 0,04), dài 2,7m, xà thượng (0,16m x 0,09m), xà hạ (0,21m x 0,1m). Độ cao từ nền đến bờ nóc là 3,55m.

[24] Di tích đã được xếp hạng cấp quốc gia năm
[25] Di tích đã được xếp hạng cấp tỉnh 2012

Nhà Hạ đường có 4 vì kết cấu giống nhau kiểu "*Giao nguyên*". Hai vì giữa trốn 4 cột cái phía trước nhằm tạo thêm khoảng không gian cho ngôi nhà, 2 vì 2 bên trốn mỗi vì 1 cột cái. Tổng cộng nhà Hạ đường có 8 cột cái (trốn 6 cột), kích thước: cao 2,95m, đường kính 0,15m; 8 cột quân mỗi cột cao 2,45m, đường kính 0,15m. Hệ thống cột cái và cột quân đặt trên các chân đá tảng hình vuông có kích thước 0,25m x 0,25m, cao 0,05m.

Số đo bước gian theo chiều dọc: 0,47m- 2,55m - 2,6m - 2,55m - 0,47m

Số đo bước gian theo chiều ngang: 0,8m- 2,6m- 0,95m

* ***Trang trí trên kiến trúc***:

Trên bờ nóc đắp hình lưỡng long chầu nguyệt bằng vôi vữa, các bờ giải đắp thẳng. Các cấu kiện bằng gỗ cũng được bào trơn, để mộc.

* ***Bài trí nội thất***:

Nhà Hạ đường là nơi chuẩn bị cho việc hành lễ nên không bài trí thờ tự. Tại đây chỉ đặt một trống lớn (*đường kính 0,55m, dài 0,7m*), 02 trống nhỏ (*đường kính0,3m, dài 0,2m*) ở gian trái, một chiêng đồng (*đường kính 0,46.m*) ở gian bên phải

Phía trên xà hạ gian giữa treo một bức đại tự bằng gỗ viết chữ Hán có nội dung như sau: "*Nhất Thụ vạn chi*" nghĩa là "*một cây ngàn cành*"[26]. Phía dưới treo đôi câu đối bằng chữ Hán, nội dung:

Phiên âm

Tổ tông công đức thiên niên thịnh

Tử hiếu tôn hiền vạn đại vinh

Dịch nghĩa:

Công đức tổ tiên ngàn năm vượng

Con cháu thảo hiền muôn thủa vinh

3. Sân lộ thiên:

Nối liền giữa nhà Hạ đường và Trung đường là sân lộ thiên. Sân có kích thước: dài: 6,64m, rộng 1m, nền lát gạch đỏ đất nung cỡ 0,25m x 0,25m.

4. Nhà Trung đường:

* ***Kiến trúc:***

[26] các tài liệu chữ Hán như gia phả, sắc phong, đại tự câu đối do ông Nguyễn Duy Đối - xã Nam Thành, huyện Yên Thành phiên âm, dịch nghĩa.

Nhà Trung đường có kiến trúc thời Nguyễn, diện tích 22,9m^2 *(6,64m x 3,45 m)* gồm 3 gian hai hồi, xây tường bít đốc *(dày 0,17m)*. Mái nhà Trung đường lợp ngói vảy, mè có kích thước (0,04m x 0,025m), với 10 thanh mỗi mái, cầu phong có kích thước (0,07m x 0,02m) ; hoành (0,08m x 0,07m) gồm 6 thanh, mỗi thanh dài 6,6m. Thượng lương có kích thước (0,14m x 0,04), dài 6,6m. Nền nhà lát gạch đất nung màu đỏ có kích thước 0,2m x 0,2m Độ cao từ nền đến bờ nóc là 3,45m.

Trung đường có 4 bộ vì , kết cấu kiểu "*Giao nguyên* ". Hai vì giữa trốn 2 cột cái phía trước nhằm tạo khoảng không gian rộng, 2 vì hai bên mỗi vì trốn 1 cột cái. Tổng cộng Trung đường có 10 cột, trong đó có 2 cột cái có đường kính 0,18m, cao 2,9m; 8 cột quân có đường kính 0,17m, cao 2,4m. Các cột đều được kê trên chân tảng đá hình vuông kích thước 0,33m x 0,33m, cao 0,05m..

Số đo bước gian theo chiều dọc: 0,47m -1, 85m - 2m - 1,85m - 0,47m

Số đo bước gian theo chiều ngang: 0,75m - 2,4m- 0,3m

* ***Trang trí trên kiến trúc***:

Trên bờ nóc không trang trí, các cấu kiện bằng gỗ cũng được bào trơn, để mộc

Bài trí nội thất:

* ***Gian giữa***

Nhà Trung đường bài trí thờ ngang. Gian giữa đặt 01 ban thờ chính giữa để thờ Phạm Đỉnh

Ngoài cùng[27] là một lư hương chất liệu bằng xi măng giả đồng, hai bên được thiết kế 2 con rồng chầu, hai bên lư hương bài trí đôi hạc bằng gỗ cao 1,45m đứng trên lưng rùa. Sau lư hương là một hương án bằng gỗ cổ, sơn son thiếp vàng, chia ô chạm lộng hình hổ phù, tứ linh tứ quý. Hương án có kích thước: cao 1,1m, rộng 0,65m, dài 1,5m, bên trên bài trí một bát hương sứ đường kính 0,15m, cao 0,15m, 1 mâm cổ bồng màu nâu sẫm đường kính 0,3m, cao 0,2m và 1 giá nến cao 0,46m.

Tiếp sau hương án là một giường thờ cổ bằng gỗ lim để mộc. Giường thờ có kích thước: Rộng 1,3m, dài 1,8m, cao 0,76m, bên trên không bài trí mà là nơi để con cháu đặt lễ vật.

Sau cùng là một hương án bằng gỗ cổ cao 1,36m, rộng 0,65m, dài 1,34m. Ba phía (*trước và 2 bên*) mặt chia ô với kích thước khác nhau, trang trí đề tài tứ linh, tứ quý. Đây là một hương án cổ đẹp, chạm khắc công phu, có giá trị thẩm mỹ. Trên hương án đặt một lư hương kiểu mới, một mâm cổ bồng màu nâu sẫm, có đường kính 0,4m, cao 0,2m, 1 giá nến cao 0,46m, 2 con hạc gỗ cao 0,6m- hạc đứng trên

[27] Hướng theo tay tác giả nhìn từ ngoài vào

lưng rùa và 3 đài trản cao 0,15m. Phía trên treo 2 bức đại tự cổ bằng gỗ mít, nền màu vàng, chữ Hán nâu.

Bức trên cùng kích thước: dài 1,4m rộng 0,7m, nội dung: "*Tuy Tư Thành*" nghĩa là "*Thành tâm suy nghĩ về điều thiện*". Và bức phía dưới có kích thước 1,4m x 0,4m có nội dung sau: "Phạm tướng công miếu" nghĩa là "*Miếu thờ tướng công họ Phạm*"[28].

* Gian bên trái và gian bên phải được bài trí giống nhau để thờ các vị tổ của các nhánh.

Ngoài cùng bài trí một hương án sơn son thếp vàng, chia ô, trong các ô chạm trổ hình hổ phù, rồng, hoa lá, vân mây cách điệu...Hương án cổ cao 1,06m, rộng 0,6m, dài 1,3m, phía trên bài trí 01 bát hương sứ đường kính 0,2m, cao 0,1m. 1 mâm chè kích thước: dài 0,17m, rộng 0,33m trên để chén và bát sứ cúng tổ tiên và 1 giá nến cao 0,46m.

Kế tiếp hương án là một bàn thờ được xây bằng đá 3 cấp. Cấp 1 có kích thước cao 0,62m, rộng 1,02, dài 1,29m trên không bài trí . Cấp 2 có kích thước cao 0,9m, rộng 0,95m, dài 1m trên đặt 1 lư hương sứ có đường kính 0,1m, cao 0,13m, 1 mâm chè kích thước: dài 0,17m, rộng 0,33m trên để chén và bát sứ cúng tổ tiên. Cấp 3 có kích thước: cao 1,35m; rộng 0,22m bên trên đặt lư hương kiểu mới, 1 mâm chè , kích thước: dài 0,17m, rộng 0,33m, 2 đài trản cao 0,15m và 2 giá nến cao 0,46m.

5. Nhà Thượng đường:

* Kết cấu kiến trúc:

Nhà Thượng đường nằm dọc có diện tích: 32,07m^2 (*8,08m x 3,97m*) bộ khung nhà làm bằng gỗ lim, xây dựng dưới triều Khải Định. Năm dựng được ghi rõ "Khải Định Kỷ Mùi niên, hạ tạo thu Thành" nghĩa là "*Năm Kỷ Mùi (1919), mùa Hạ làm, mùa thu hoàn thành*". Nhà gồm 2 gian, 2 hồi, phía sau xây tường bịt đốc, phía trước để trống thông với nhà Trung đường nhưng phía trong ở vì giữa được ngăn cách bởi hệ thống cửa "Bàn khoa". Ở đây người ta thiết kế một cửa vào rộng 2,36m, cao 1, 85m với 6 cánh cửa bằng gỗ lim kiểu "*Thượng song hạ bản*", mỗi cánh rộng 0,39m. Mái lợp ngói âm dương, rải rui bản có kích thước (0,08m x0,015), gồm 42 rui với độ mỗi rui là 3m, Hoành có kích thước (0,1m x 0,06m), gồm 8 thanh, mỗi thanh dài 8m. Thượng lương có kích thước (0,15m x0,05m), dài 8m.. Nền lát gạch đất nung màu đỏ.

Nhà có 3 bộ vì, vì thứ 1 và vì thứ 3 kết cấu giống nhau kiểu giá chiêng, ván mê chỉ khác nhau vì thứ nhất có 2 đầu dư ở hai góc. Còn vì thứ 2 (vì giữa) kết cấu

[28] đại tự này nguyên xưa là miếu thờ ông tại làng VănThành, xã Tiên Thành nay thuộc xóm Bắc Sơn, xã Bắc Thành, huyện YênThành

kiểu *"Thượng ván mê hạ kẻ chuyền"*. Nhà Thượng đường chỉ có 6 cột quân cao 2,15m, đường kính 0,17m, tất cả các cột cái đều trốn để cho lòng nhà rộng và thoáng. Các cột quân đều được kê trên đá tảng hình vuông kích thước 0,28m x 0,28m, cao 0,05. Đốc tường phía trước được xây 2 cột trụ bằng gạch, vôi vữa xi măng để đỡ mái. Trụ có kích thước cao 2,1mThân trụ đắp thẳng, bên ngoài có gờ, bên trong viết đôi câu đối bằng chữ Hán, mực đen, có nội dung:

Tế tổ như tổ tại

Kính úy tài úy dãn

Nghĩa là: *Thờ tổ như khi sống*

Kính trọng không xa rời

Số đo bước gian chiều ngang: 0,8m- 2,32m — 0,85m

Số đo bước gian chiều dọc: 0,86m - 2,05m - 2,05m - 0,95m.

* *Trang trí trên kiến trúc:*

Trên hệ mái: bờ nóc trang trí hình *"lưỡng long chầu nhật"*. Các bờ dải gấp khúc cân xứng giữa đốc tường và mái nhà. Cuối các góc mái được đắp thêm các đầu guột.

Trên cấu kiện gỗ: nhà Thượng đường được chạm trổ công phu với đề tài truyền thống là*"tứ linh"*, *"Tứ quý"*. Phần chạm trổ hầu như phủ kín kết cấu phần gỗ, nét chạm cầu kỳ, chắc khỏe.

Tại vì thứ nhất trên bức cốn, đường xà, kẻ, bẩy....được nghệ nhân xưa chạm boong kênh với các đề tài tứ quý, ở hai góc của vì được chạm trổ 2 đầu dư trong tư thế miệng há, đầu ngẩng cao rất sống động. Vì thứ 3 ở hai góc của xà nách được các nghệ nhân chạm trổ hình chim phượng sải đôi cánh bay lên. Đặc biệt ở vì thứ 2 (vì giữa) là mảng chạm đẹp nhất của nhà thờ: tại cốn mê thể hiện mặt hổ phù được làm rất tỷ mỹ, phía dưới và hai bên là hoa lá và vân mây. Trên ván ấm chạm boong kênh đề tài tứ linh: chim phượng đang bay trên mây, rùa nô đùa trong sóng nước...Các mảng chạm trên các cấu kiện gỗ của nhà Thượng điện đều chạm theo lối boong kênh, rất tinh xảo, mềm mại, vừa tạo nên một bức tranh nghệ thuật tuyệt đẹp, vừa tôn thêm nét thâm nghiêm, tôn kính chốn linh thiêng.

Bài trí nội thất:

Nhà Thượng đường được bài trí dọc là nơi thờ thủy tổ Phạm Nhân Mỹ

Gian ngoài: là nơi để con cháu đặt lễ vật mỗi khi dòng họ tế lễ. Tại đây bài trí một bàn thờ 2 cấp xây bằng gạch, xi măng. Bàn thờ cấp 1: có kích thước cao: 1,05, rộng: 0,36,m, dài 0,97, phía trên đặt một bát hương sứ đường kính 0,13m, cao

0,1m. một mâm cổ bồng màu nâu sẫm, đường kính 0,33m, cao 0,15m và hai giá nến cao 0,46m.

Cấp 2 có chiều dài 1,91, rộng 1,33m, cao: 0,75m, phía trên đặt một lư hương sứ có đường kính 0,22m, cao 0,18m; một mâm chè màu nâu sẫm, kích thước cao: 0,15m. rộng 0,23m, dài 0,33m trên để chén nước.

Gian trong : gian thứ 2 được ngăn cách bởi cửa "Bàn khoa". Ở đây được bài trí một bàn thờ 2 cấp bằng bê tông,

Cấp 1 có kích thước cao: 0,87m, dài: 1,20m, rộng: 0,81m phía trên có đặt 01 bát hương sứ đường kính 0,3m, cao 0,17m, 1 mâm cổ bồng màu nâu sẫm có đường kính 0,4m, cao 0,17m; 2 mâm chè có kích thước cao 0,17m, rộng 0,15m, dài 0,33m, trên để chén nước và chai rượu, 2 giá nến cao: 0,46m.

Cấp 2 có kích thước cao: 1,8m, rộng: 0,63m, dài 1,2m. Phía trước đặt một hòm sắc bằng gỗ dài 0,61m, rộng 0,15m, đựng các sắc phong của các bậc tiên tổ họ Phạm được các triều đại phong kiến tặng. Trên cùng đặt long ngai bài vị của Phạm Nhân Mỹ bằng chữ Hán, có nội dung:"*Bản thổ triệu cơ phạm Tướng công gia phong: Dực bảo trung hưng linh phù chi thần*". Long ngai bằng gỗ, cổ, sơn son thiếp vàng với kích thước cao: 1,05, rộng: 0,34m, có kiểu dáng giống như 1 chiếc kiệu và được chia làm 2 phần: bệ và thân. Phần bệ được thiết kế kiểu chân quỳ, chạm nổi, chạm lộng: hổ phù, rồng chầu mặt nguyệt, và 4 góc chân trang trí 4 đầu rồng. Thân ngai bao gồm tay ngai và các con tiện. Hai tay ngai uốn lượn hình vòng cung, được thiết kế dưới hình thức 2 con rồng, đầu vươn cao ngước nhìn lên phía trước, phần thân rồng làm lưng ngai, đỉnh chạm trổ hình mặt nguyệt. Các con tiện nâng đỡ tay ngai đều được chạm nổi các hoa văn.

Trong long ngai đặt 1 lư hương kiểu mới; 2 đài trản cao , 01 kiếm gỗ dài 0,6m, hai bên long ngai đặt 2 con hạc bằng gỗ cao: 0,8m và hai lọ hoa bằng gỗ cao: 0,29m.

6. Lăng mộ

a. Vị trí địalý:

Mộ nằm trong khuân viên di tích, cách nhà thờ 5m về phía Tây. Mộ quay mặt về phía Đông Nam, trước mặt là ao hồ và đồng ruộng, phía bên trái là nhà thờ, 2 phía còn lại là khu dân cư.. Xa xa trước có dòng sông Điển, phía sau là núi Gám.

b, kết cấu kiến trúc mộ:

Mộ trước đây nằm ở làng Điện Yên[29] .Năm 1898 được nhân dân cùng dòng họ đưa mộ về cải táng trong khuôn viên đền thờ (*nay là nhà thờ*). Năm 2006 mộ được con cháu tu sửa lại như hiện nay, có diện tích15m^2 (4m x- 3,75m). Mộ được xây theo kiểu chồng diêm

[29] Nay là nhà cụ Nguyễn Văn Thoại,làng Điện Yên,xã Long Thành, huyện Yên Thành

2 tầng 6 mái, với 4 cột đổ xi măng cốt thép cao 2,4m, xung quanh xây tường, mái đổ bê tông tạo sóng giống như lợp ngói cổ, màu đỏ, trên nóc trang trí lưỡng long triều nguyệt, các góc mái được trang trí các con guột.

Mộ cao: 0,5m tạo thành 3 bậc cấp giữa đặt mộ[30] của Phạm nhân Mỹ và phu nhân. Phía trước có bia mộ bằng đá xanh bên trong có ghi chữ Hán với nội dung:

Nguyên Hải Dương tỉnh, Kinh Môn phủ, Vân Tra xã, Thọ Lộc thôn trú nhập Đông Thành huyện, Tiên Thành xã, Tiền Thành thôn thủ bản tộc chiêu dân lập ấp, lịch đại sắc phong chính hiệu, Phạm tướng công chi mộ.

Hoàng triều Thành Thái thập nhị niên xuân nguyệt cát nhật

Phạm tộc đồng phụng tự

Dịch nghĩa:

Mộ của Phạm tướng công, nguyên quán ở thôn Thọ Lộc, xã Vân Tra, phủ Kinh Môn, tỉnh Hải Dương trú nhập vào thôn Tiền Thành, xã Tiên Thành, huyện Đông Thành, người có công đứng đầu bản tộc trong việc chiêu dân lập ấp, triều đại sắc phong là Chính hiệu.

Ngày tốt mùa xuân năm Thành Thái thứ 10 (1898)

Họ Phạm cùng thờ phụng

Mộ bà:

Phiên âm:

Nguyên Hải Dương tỉnh, Kinh Môn phủ, Vân Tra xã, Thọ Lộc thôn trú nhập Đông Thành huyện, Tiên Thành xã, tiền Thành thôn thủ bản tộc chiêu dân lập ấp, lịch đại sắc phong chính hiệu, Phạm tướng công chính thất chi mộ.

Hoàng triều Thành Thái thập nhị niên xuân nguyệt cát nhật

Phạm tộc đồng phụng tự

Dịch nghĩa:

Mộ của Chính thất (vợ chính) Phạm tướng công, nguyên quán ở thôn Thọ Lộc, xã Vân Tra, phủ Kinh Môn, tỉnh Hải Dương trú nhập vào thôn Tiền thành, xã Tiên Thành, huyện Đông Thành, người có công đứng đầu bản tộc trong việc chiêu dân lập ấp, triều đại sắc phong là Chính hiệu.

Ngày tốt mùa xuân năm Thành Thái thứ 10 (1898)

Họ Phạm cùng thờ phụng

VIII. GIÁ TRỊ LỊCH SỬ - VĂN HOÁ - KHOA HỌC - THẨM MỸ.

1. Giá trị lịch sử:

[30] Mộ của Ông bên tay phải, vợ nằm bên tay trái hướng theo tay tác giả đI từ ngoài vào

Nhà thờ họ Phạm Đại tôn là công trình kiến trúc cổ, được xây dựng để thờ các bậc tiên tổ của dòng họ, tiêu biểu có ông: *Phạm Nhân Mỹ , Phạm Đỉnh.*

Di tích là nơi lưu giữ nhiều tài liệu, hiện vật có giá trị về lịch sử văn hóa: 4 sắc phong cổ trong đó có 1 đạo thời Cảnh Hưng , 3 sắc thời Nguyễn, 2 cuốn gia phả, lạc khoản trên kiến trúc, đại tự ...bằng chữ Hán. Đây là những cứ liệu lịch sử gốc quan trọng để tìm hiểu về con người của dòng họ đã có công khai cơ, lập ấp với 18 xứ: Duy Ngu, Nương Bòng, Tiền Chi Ngưu, Hậu chi ngưu, Bảo Sàng, Đồng Bọc... góp phần tìm hiểu, nghiên cứu sự hình thành làng xã ở địa phương thời Lê Thánh Tông. Các tài liệu, hiện vật liên quan đến Phạm Đỉnh là nguồn sử liệu giúp chúng ta có thể nghiên cứu, tìm hiểu về cuộc chiến tranh Trịnh - Nguyễn nhất là về sự kiện kiêu binh nổi loan thời kỳ Vua Lê - Chúa Trịnh. Thông qua đó giúp chúng ta hiểu được sự ban thưởng của Nhà nước đối với danh nhân có công với đất nước.

Trong cao trào Xô Viết Nghệ Tĩnh 1930 -1931 nhà thờ còn là: địa điểm in ấn tài liệu, nơi nuôi dấu cán bộ cách mạng, treo cờ búa liềm, Bình dân học vụ...

Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 1975) di tích là nơi tổ chức truyền đơn vận động nhân dân mua trái phiếu, kho trung chuyển vũ khí.... Vì vậy mà năm 1985, nhà thờ họ Phạm được Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng trưởng Huân chương kháng chiến hạng ba vì đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

2. Giá trị Văn hoá:

Nhà thờ họ Phạm đại tôn là nơi tưởng niệm người có công với dân, với nước, nơi sinh hoạt văn hóa tâm linh, cố kết tình cảm bền chặt của con cháu trong dòng họ.

Những hoạt động diễn ra tại đây, tiêu biểu là ngày giỗ tổ 15/6 âm lịch, con cháu dòng họ Phạm xa gần về nhà thờ tề tựu đông đủ là dịp để *"ôn cố tri tân"*, tưởng nhớ đến công lao và tài đức của các vị tiên tổ. Các hoạt động tế lễ ở đây thể hiện đạo lý *"uống nước nhớ nguồn"*. Đồng thời, đây cũng là dịp để dân làng Giáp Bổn thể hiện lòng biết ơn đối với vị thần đã có công khai hoang, lập làng. Thông qua các hoạt động tế lễ đã phản ánh được phong tục tập quán, tín ngưỡng của nhân dân, thể hiện tình yêu quê hương đất nước, ý thức hướng về cội nguồn và cũng thông qua đó đã cố kết được cộng đồng, niền tự hào về di sản văn hóa trên quê hương xứ Nghệ.

3, Giá trị khoa học, thẩm mỹ của di tích

Bên cạnh những nội dung về giá trị lịch sử văn hóa, di tích nhà thờ họ Phạm đại tôn cùng với những hiện vật còn lưu giữ phản ánh giá trị khoa học thẩm mỹ khá phong phú.

Nhà thờ họ Phạm là công trình kiến trúc thời Nguyễn, có bố cục chặt chẽ, kết cấu vững chắc. Trải qua nhiều lần tu bổ tôn tạo, đặc biệt là lần tu sửa tôn tạo năm 1919 và các lần tu sửa tiếp theo di tích mới có được hiện trạng như ngày hôm nay. Giá trị trẩm mỹ chủ yếu của di tích chủ yếu tập trung vào một số chi tiết kiến trúc và một số hiện vật. Ở hầu hết các bẩy của nhà Thượng điện đều được chạm khắc đề tài vân mây, sóng nước. Đặc biệt trên vì kèo giữa của nhà Thượng đường được chạm bông kênh với các đề tài tứ linh, tứ quý

Các hiện vật như: long ngai, bài vị, hương án cổ đều được chạm khắc tinh xảo các đề tài truyền thống như: tứ linh, tứ quý với các nét chạm mềm mại tô điểm thêm cho không gian tôn nghiêm nơi thờ tự.

IX. THỰC TRẠNG BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH:

Nguyên xưa, nơi đây là ngôi đền thờ ông Phạm Nhân Mỹ (*vị tổ của dòng họ*) 1 nhà 3 gian bằng tranh tre, trát vách vào thời Lê Trung Hưng. Trải qua thời gian lại ảnh hưởng của thiên tai nên đền thờ bị hư hỏng nhân dân không có điều kiện xây dựng lại, mãi đến năm 1898 nhân dân mới có điều kiện tôn tạo lại đền thờ gồm 1 tòa trên nền móng cũ và đưa mộ về cát táng tại đây. Năm 1919 đền bị hư hỏng, nhân dân đã đứng ra tu sửa, nâng cấp tòa đền còn lại làm Thượng đường và làm thêm 2 tòa Hạ đường và Trung đường ở phía trước thành 3 tòa. Năm 1956 do cải cách ruộng đất đền bị bỏ hoang con cháu đứng ra bảo vệ và đưa thêm các hậu dệ của ngài vào phối thờ tại đền nên được gọi là nhà thờ họ Phạm. Sau đợt lụt 1978 nhà thờ bị hư hỏng nặng một số đồ thờ và các ván thưng xung quanh nhà đều bị hư hỏng. Năm 1980, con cháu trong họ tộc đã tu sửa lại tường của 3: nhà Thượng đường, Trung đường, Hạ đường bằng đá vôi thay thế tường bằng ván thưng gỗ bị hư hỏng.

Năm 2000 nhận thấy nền nhà ẩm thấp, các bức tường bao của nhà thờ do được xây bằng đá, vôi vữa, lại tồn tại trong thời gian dài và ảnh hưởng của thiên tai nên bị bong rộp, thấm nước, hư hỏng. Con cháu đã đóng góp để nâng nền, xây lại các bức tường của 3 nhà cao hơn nền cũ 0,35m đồng thời xây các ban thờ mới, phục chế lại một số đồ tế khí... Từ đó đến nay di tích tiếp tục được con cháu giữ gìn, bảo vệ.

Năm 2006, xây cổng, tường bao và đồng thời xây mộ như bây giờ.

Mặc dù trải qua thời gian chiến tranh, thiên tai, nhà thờ được con cháu trùng tu lớn nhỏ nhiều lần song kiến trúc vẫn giữ được nét nguyên bản như ban đầu.

Hiện nay, nhà thờ được hội đồng gia tộc quản lý và cắt cử người trông nom hương khói. Việc bảo bệ và phát huy giá trị tương đối tốt.

X. PHƯƠNG HƯỚNG BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH:

Nhà thờ họ Phạm đại tôn là nơi sinh hoạt văn hóa tâm linh, là sợi dây kết nối tình cảm của những người con trong dòng họ trên khắp mọi miền đất nước. Tại đây còn lưu giữ nhiều hiện vật có giá trị về lịch sử, văn hóa, nghệ thuật. Việc nghiên cứu lập hồ sơ khoa học đề nghị UBND tỉnh công nhận là di tích lịch sử cấp tỉnh là việc làm quan trọng và đúng đắn để tạo cơ sở pháp lý cho việc bảo vệ và phát huy giá trị của di tích trên vùng đất vốn giàu truyền thống. Công tác bảo vệ và sử dụng cần tiến hành theo phương pháp sau:

1. Phương hướng bảo vệ:

- Thực hiện lập hồ sơ khoa học trình UBND tỉnh ra quyết định xếp hạng di tích tạo cơ sở pháp lý, cơ sở khoa học để bảo vệ và phát huy giá trị di tích theo Luật Di sản văn hoá.

- Thực hiện việc cắm mốc, khoanh vùng bảo vệ theo biên bản khoanh vùng, tạo cơ sở pháp lý ngăn chặn sự xâm hại đến di tích.

- Mọi hoạt đồng tại di tích (tế lễ, hội hè, tu sửa, tôn tạo di tích....) đều phải đặt dưới sự quản lý của nhà nước, khi tiến hành tu sửa, không được sơn, đánh bóng vôi ve làm giảm giá trị của di tích.

Tăng cường công tác kiểm tra và nghiêm cấm việc tùy tiện tiếp nhận các đồ tế khí cung tiến vào di tích. Nghiêm cấp việc tự sơn thếp lại các đồ tế khí khi chưa có sự hướng dẫn chuyên môn của ngành chủ quản.

- Thành lập tổ bảo vệ, thực hiện tốt nội dung, quy chế hoạt động của tổ bảo vệ để tăng cường hiệu quả công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích.

- Khi tiến hành tu sửa chống xuống cấp di tích không được làm thay đổi hình dáng kết cấu ban đầu của di tích. Nếu di tích bị hư hỏng nặng, trước khi tu sửa phải xây dựng đề án trình ngành VHTT & DL duyệt. Những sửa chữa nhỏ địa phương mà trực tiếp là tổ bảo vệ di tích có thể thực hiện được nhưng phải báo cáo và được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền và có sự hướng dẫn về chuyên môn.

2. Phương án phát huy giá trị di tích:

- Xây dựng bản tóm tắt nội dung giá trị, lịch sử xây dựng của di tích để du khách có thể tìm hiểu khi đến tham quan, thăm viếng.

-Cắm biển chỉ dẫn để thu hút, hướng dẫn khách thăm quan đến với di tích.

- Duy trì các hoạt động văn hoá truyền thống của địa phương và dòng họ. Tổ chức tốt các ngày tế lễ, đặc biệt là lễ hội truyền thống hàng năm tại di tích (*vào ngày 15/6 âm lịch*).

- Trồng thêm một số cây xanh, cây cảnh tạo bóng mát trong vườn di tích để tạo cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp.

- Nghiên cứu phục hồi và phát huy giá trị văn hoá phi vật thể gắn với di tích như sinh hoạt văn hoá truyền thống, các phong tục tốt đẹp của địa phương có liên quan đến di tích.

- Phối hợp với nhà trường tại địa phương cho học sinh học tại di tích theo hình thức ngoại khóa, giúp các em hiểu thêm về quá trình xây dựng và phát triển của nơi mình sinh sống và các nhân vật có công lớn với quê hương, đất nước. Từ đó làm tăng thêm niềm tự hào và lòng biết ơn của các em đối với các bậc tiền nhân. Đồng thời để các em biết trân trọng những giá trị mà cha ông để lại.

- Tổ chức cho nhân dân, khách du lịch tham quan tại di tích vào các ngày lễ lớn của dân tộc hoặc các ngày lễ trọng của nhà thờ nhằm tuyên truyền cho các thế hệ học tập tinh thần vượt khó của cha ông, bồi đắp thêm trang sử vẻ vang của quê hương, đất nước. Đồng thời tham gia tuyên truyền sâu rộng trong quần chúng nhân dân để toàn dân hiểu rõ và tham gia bảo vệ di tích.

Con cháu làm công tác bảo vệ trực tiếp tại di tích phải nắm được nội dung cơ bản về di tích để giới thiệu cho khách tham quan và cần phải có thái độ lịch sự, nhiệt tình để hướng dẫn dukhách.

Tuyên truyền sâu rộng trong dòng tộc và quần chúng nhân dân về nội dung giá trị di tích đúng theo Luật Di sản Văn hóa (*Luật số 28/QH 10, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa 2009*), Nghị định số 70/2012/NĐ - CP ngày 18 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tụclập, phê duyệt quy hoạch dự án bảo quản, tu bổ phục hồi di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh và Thông tư 18 ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ VHTT về bảo quản, tu sửa và phục hồi di tích.

XI. KẾT LUẬN:

Nhà thờ Phạm đại tôn là công trình kiến trúc cổ thời nguyễn,nơi thờ tự nhiều nhân vật có công với dân, với nước như Phạm Nhân Mỹ, Phạm Đỉnh. Đây còn là nơI sinh hoạt văn hóa tâmlinh của một dòng họ lớn, có lịch sử tồn tại lâu đời góp phần giữ gìn nét văn hóa riêng trong đời sống tâm linh của người dân xứ nghệ.

Tại nhà thờ còn lưu giữ nhiều hiên vật cổ quý như: sắc phong, gia phả, lạckhoản, long ngai, bài bị, hương án...có giá trị về mặt lịch sử cũng như văn hóa, khoa học thẩm mỹ.

Như vậy, theo tiêu chí xếp hạng di tích của Luật di sản văn hóa, Nhà thờ họ Phạm đại tôn có đầy đủ các yếu tố về mặt khoa học để xứng đáng được công nhận là Di tích lịch sử cấp tỉnh.

XII. TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Lịch sử Nghệ Tĩnh - Tập 1, Nxb Nghệ Tĩnh - 1984.

2. Bùi Dương Lịch: Nghệ An ký , Nxb KHXH, Hà Nội - 1993

3. Đại cương Lịch sử Việt Nam, Nxb Giáo dục, Tập 1.

4. Chu Quang Trứ: Kiến trúc dân gian truyền thống, Nxb Mỹ Thuật - 2001.

5. Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ 19: Dương Thị The, Phạm Thị Thoa dịch và biên soạn, Nxb Khoa học xã hội - 1981.

6. Trần Lâm Biền: Đồ thờ trong di tích của người Việt, Nxb VHTT — 2003.

7.Việt sử xứ đàng trong Nxb Sài Gòn - năm 1967.

8. Lịch triều hiến chương loại chí. Nxb Khoa học xã hội 1992.

9. Các triều đại Việt Nam. Quỳnh Cư, Đỗ Đức Hùng, Nxb Thanh Niên.

10. Sơ thảo Lịch sử huyện Yên Thành,UBND huyện Yên Thành, Nxb Nghệ Tĩnh-1990.

11. Sách " Lịch sử xã Long Thành" Nxb Hồng Đức – Hà Nội 2013.

12. Gia phả họ Phạm đại tôn, xã Long Thành, huyện Yên Thành bằng chữ Hán viết năm 1747, 1899.

13. Các sắc phong hiện lưu tại nhà thờ

14. Lí lịch di tích Hoàng Tá Thốn di tích đã được xếp hạng cấp Quốc gia năm 1992

15. Lí lịch họ Nguyễn Văn đại tôn di tích đã được xếp hạng cấp Quốc gia năm 2012

BAN QUẢN LÝ DT - DT

P. TRƯỞNG BAN

Phan Văn Hùng

TÁC GIẢ LẬP HỒ SƠ

Nguyễn Thị Trí

PHỤ LỤC

Sắc 1:

Phiên âm:

Sắc Đông Thành huyện, Tiên Thành xã Bách hộ Phạm Đình. Vi dĩ Nhâm Dần niên phụng tự vương tiến phong vương vị, chuẩn cập chư quân dực đới công. Nhĩ do Trung Trấn cơ ưu binh nhất tâm thôi đới, tại khả tưởng lục, dĩ kinh chỉ chuẩn thăng chức nhất thứ, tái khâm thưởng nhất thứ, ứng Phó thiên hộ chức, khả vi Tráng tiết tướng quân Hiệu lệnh ti xuy kim tráng sĩ Thiết kỵ úy Phó thiên hộ, trung liệt.

Cố sắc!

Cảnh Hưng tứ thập tứ niên nhị nguyệt nhị thập lục nhật.

(Sắc mệnh chi bảo)

Dịch nghĩa:

Sắc cho Bách hộ Phạm Đình ở xã Tiên Thành, huyện Đông Thành. Vì năm Nhâm Dần (1782), Tự vương ngự ngôi vương vị, chuẩn thưởng cho khắp chư quân phù tá có công. Ngươi là Ưu binh ở cơ Trung Trấn một lòng giúp trẫm, nên có thể tặng thưởng, đã có chỉ chuẩn thăng chức một lần, lại khâm thưởng một lần, đáng làm chức Phó thiên hộ, có thể làm Tráng tiết tướng quân Hiệu lệnh ti xuy kim tráng sĩ Thiết kỵ úy Phó thiên hộ, trung liệt.

Vậy sắc!

Ngày 26 tháng 2 năm Cảnh Hưng thứ 44 (năm 1784)

(Sắc mệnh chi bảo)

Sắc 2:

Phiên âm:

Sắc Nghệ An tỉnh, Đông Thành huyện, Tiên Thành xã, Văn Thành thôn phụng sự Khai Cơ Phạm công chi thần. Nẫm trứ linh ứng, hướng lai vị hữu dự phong. Tứ kim phi thừa cảnh mệnh, miến niệm thần hưu, trứ phong vi Dực bảo Trung hưng Linh phù chi thần. Nhưng chuẩn cựu phụng sự. Thần kỳ tướng hựu bảo ngã lê dân.

Khâm tai!

Thành Thái lục niên cửu nguyệt nhị thập ngũ nhật

(Sắc mệnh chi bảo)

Dịch nghĩa:

Sắc cho thôn Văn Thành, xã Tiên Thành, huyện Đông Thành, tỉnh Nghệ An thờ phụng thần Khai Cơ Phạm công. Thần linh ứng đã lâu, trước nay chưa được

phong tặng. Cho nên, nay trẫm cả vâng mệnh sáng, xa nghĩ ơn thần, trứ phong là Dực bảo trung hưng Linh phù chi thần. Và vẫn chuẩn cho thờ phụng như cũ. Thần hãy ban ơn, che chở và giúp đỡ cho dân ta.

Vậy sắc!

Ngày 25 tháng 9 năm Thành Thái thứ 6 (năm 1894)

(Sắc mệnh chi bảo)

Sắc 3:

Phiên âm:

Sắc Nghệ An tỉnh, Yên Thành huyện, Tiên Thành xã, Văn Thành thôn tòng tiền phụng sự nguyên tặng Dực bảo Trung hưng Linh phù Tráng tiết Hùng tả Phạm tướng quân linh ứng chi thần tiết kinh cấp dụ phong chuẩn kỳ phụng sự. Duy Tân nguyên niên đăng quang đại lễ kinh phần bảo chiếu thảo ân lễ long đăng. Đặc chuẩn y cựu phụng sự ,dụng chí quốc khánh nhi thân kỷ điển khâm thai.

Khâm tai!

Duy Tân niên bát nguyệt thập nhất nhật.

(Sắc mệnh chi bảo)

Dịch nghĩa:

Sắc cho thôn Văn Thành, xã Tiên Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo như trước thờ phụng thần vốn được tặng là Dực bảo Trung hưng Linh phù Tráng tiết Hùng tả Phạm tướng quân. Thần giúp đỡ đất nước che chở nhân dân, linh ứng từ lâu, đã lần lượt được ban cấp sắc phong, chuẩn cho thờ phụng. Năm Duy Tân thứ nhất (1907), nhân có lễ đăng quang lên ngôi vua, nên ban chiếu báu tỏ rõ ân sâu, theo lễ đăng trật. Đặc chuẩn cho thờ phụng, dùng để ghi nhớ ngày mừng của đất nước mà làm sáng tỏ điển thờ.

Vậy sắc!

Ngày 11 tháng 8 năm Duy Tân thứ 3 (1909)

(Sắc mệnh chi bảo)

Sắc 4:

Phiên âm:

Sắc Nghệ An tỉnh, Yên Thành huyện, Tiên Thành xã, Văn Thành thôn tòng tiền phụng sự nguyên tặng Dực bảo Trung hưng Linh phù Tráng tiết Hùng tả Phạm tướng quân tôn thần. Hộ quốc tí dân, nẫm trứ linh ứng, tiết mông ban cấp sắc phong, chuẩn hứa phụng sự. Tứ kim chính trị trẫm tứ tuần đại khánh tiết, kinh ban

bảo chiếu đàm ân, lễ long đăng trật, trứ gia tặng Đoan túc tôn thần. Đặc chuẩn phụng sự, dụng chí quốc khánh nhi thân tự điển.

Khâm tai!

Khải Định cửu niên thất nguyệt nhị thập ngũ nhật.

(Sắc mệnh chi bảo)

Dịch nghĩa:

Sắc cho thôn Văn Thành, xã Tiên Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo như trước thờ phụng thần vốn được tặng là Dực bảo Trung hưng Linh phù Tráng tiết Hùng tả Phạm tướng quân. Thần giúp đỡ đất nước che chở nhân dân, linh ứng từ lâu, đã lần lượt được ban cấp sắc phong, chuẩn cho thờ phụng. Cho nên, nay đúng dịp đại lễ tứ tuần của trẫm (mừng thọ 40 của vua), đã ban chiếu báu, mở rộng ân huệ, lễ lớn tăng thêm phẩm trật, trứ tặng thêm là Đoan túc tôn thần. Đặc chuẩn cho thờ phụng, dùng để ghi nhớ ngày mừng của đất nước mà làm sáng tỏ điển thờ.

Vậy sắc!

Ngày 25 tháng 7 năm Khải Định thứ 9 (năm 1924)

(Sắc mệnh chi bảo)